

Bản án số: 385/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị A.
- Ông Đinh Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1971. (Bà T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường số E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ngô Lê H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Lô L, Chung cư N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Minh T1 trình bày:

Bà Võ Thị Minh T và ông Ngô Lê H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127/HI, quyền số 01/1995 ngày 08/12/1995. Ông, bà có hai con chung là Ngô Minh T2, sinh ngày 01/6/1997 và Ngô Minh K, sinh ngày 30/9/2006.

Quá trình chung sống, từ 06 năm trước vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do trong đời sống vợ chồng, ông H không tin tưởng, tôn trọng bà, nhiều lần đánh và xúc phạm bà dẫn đến tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn. Bà đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng sau đó vì thương con, không muốn gia đình tan vỡ nên bà đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, ông H vẫn đánh và xúc phạm bà. Gần đây nhất, ông H đánh bà tổn thương phải điều trị tại bệnh viện T3. Nay bà T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con là Ngô Minh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Ông H, bà T không có nợ chung.

Theo Bản tự khai ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Lê H trình bày:

Ông và bà T chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 1995. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ 06 năm trước dẫn đến việc bà T đã từng nộp đơn ly hôn như bà T trình bày là đúng sự thật. Bản thân ông thừa nhận vào ngày 07/02/2024, ông đánh bà T tổn thương phải điều trị ở bệnh viện T3, nguyên nhân do ông bức xúc nhất thời, thiếu kiểm soát cảm xúc đã gây tổn thương cho bà T. Nay ông không muốn gia đình đổ vỡ nên ông không đồng ý ly hôn.

Ông H trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con là Ngô Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Ông H, bà T không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Võ Thị Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Ngô Lê H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Ngô Lê H, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về ly hôn”. Xét, bị đơn có nơi cư trú tại Quận A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn bà Võ Thị Minh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ngô Lê H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 127 /HI, quyển số 01 ngày 08/12/1995, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Võ Thị Minh T và ông Ngô Lê H, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H hợp pháp.

Bà T và ông H cùng có lời khai thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ 06 năm trước, nguyên nhân do vợ chồng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng với nhau. Quá trình hoà giải tại Tòa, bà T trình bày bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn. Phía ông H mặc dù không đồng ý ly hôn vì không muốn gia đình đổ vỡ, nhưng bản thân ông cũng thừa nhận nhiều lần ông đánh và xúc phạm bà T, tình cảm vợ chồng rạn nứt nhiều năm mà ông H, bà T không xây dựng, vun đắp được tình yêu thương vợ chồng. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là vợ chồng chung sống với nhau để yêu thương và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, bền vững, nhưng nay tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng và trách nhiệm giữa đôi bên đối với nhau không còn, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 101/1997 ngày 07/6/1997 và Giấy khai sinh số 267 quyển số 02/2006 ngày 09/10/2006 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định Ngô Minh T2 (nam), sinh ngày 01/6/1997 và Ngô Minh K (nam), sinh ngày 30/9/2006 là con chung của bà T và ông H.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được trực tiếp nuôi con. Phía ông H đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay trẻ K đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và trẻ K có nguyện vọng được ở với mẹ, nên Tòa án giao trẻ Ngô Minh K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà T, ông H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự cùng khai không có nợ chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, nên bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 2 và khoản 1 Điều 56, Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Minh T được ly hôn ông Ngô Lê H.

2. Về con chung: Giao trẻ Ngô Minh K sinh ngày 30/9/2006 cho bà Võ Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T và ông H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Lê H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Minh T và ông Ngô Lê H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Bà Võ Thị Minh T chịu, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0002115 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Như N